

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 225/2025/DS-PT

Ngày: 02/4/2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Vũ Tổ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 201/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 573/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Anh Trần Anh Q**, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (có mặt); Địa chỉ thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Địa chỉ liên hệ: 107 Ô, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bị đơn:

- Anh **Đỗ Văn V**, sinh năm 1976 (có mặt);

- Chị **Nguyễn Thị Hồng U**, sinh năm 1972 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Thanh H - Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1975 (vắng mặt); Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

* *Người kháng cáo:* bị đơn Đỗ Văn V và Nguyễn Thị Hồng U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

* Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Anh Q và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Ông Q có bán thức ăn gia súc gia cầm cho ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng U từ năm 2015 đến năm 2022. Ông V và bà U còn nợ ông Q tổng số tiền 740.000.000 đồng. Số tiền nợ mua thức ăn này tại buổi hòa giải của Ủy ban nhân dân xã X, bà U đã thừa nhận còn nợ lại 740.000.000 đồng. Nay ông Q khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng U có nghĩa vụ trả cho ông Trần A Quân số tiền thức ăn còn nợ là 740.000.000 đồng, yêu cầu trả nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng U trình bày: Bà U và ông V là vợ chồng. Trong quá trình chung sống có chăn nuôi heo tại nhà và có mua thức ăn chăn nuôi heo từ cơ sở của ông Q. Chữ ký trong cuốn sổ ghi chú quá trình mua bán ông Q đưa ra từ bút lục 33 đến bút lục 83 và từ bút lục 86 đến bút lục 112 đúng là chữ ký của ông V, trong đó có những chữ viết “Vui” là chữ viết của bà U ký khi nhận thức ăn. Còn chữ ký tại Bút lục 85 trong cuốn sổ ghi chú quá trình mua bán ông Q đưa ra không phải chữ ký của ông V. Chữ ký và chữ viết họ tên trong biên bản hòa giải tại xã X ngày 23/6/2023 đúng là của bà U nhưng thời điểm đó bà U không có thừa nhận còn nợ 740.000.000 đồng, bà U có yêu cầu để bà U về kiểm tra lại.

Các nội dung từ bút lục 01-03 trong cuốn sổ ghi chú do bà U cung cấp không liên quan do đã sang sổ mới, chỉ yêu cầu tính từ bút lục 04 đến bút lục 21 trong cuốn sổ ghi chú do bà U cung cấp. Các nội dung từ bút lục 22 đến bút lục 31 trong cuốn sổ ghi chú do bà U cung cấp ngoài nội dung bà U gửi trả tiền là do bà L ghi, các nội dung khác là do bà U tự ghi để theo dõi những lần được giao thức ăn để về sau đối chiếu với bà L coi có ghi vào sổ không. Bà U không nhớ rõ các nội dung được ghi vào năm nào, không nhớ rõ vì sao lại ghi số tiền ở góc phải cuối mỗi trang giấy tập.

Theo sổ của bà U cung cấp từ bút lục 04 đến bút lục 21 thì hiện nay số tiền bà U còn nợ là 169.075.000 đồng, bà U chỉ đồng ý trả số tiền 169.075.000 đồng cho ông Q. Chữ viết trong cuốn sổ ghi chú do bà U cung cấp từ bút lục 04 đến bút lục 21 là của bà L ghi, bà U chỉ đồng ý trả theo những nội dung ghi trong sổ này, cuốn sổ này bà U lấy từ cuốn tập học của con bà U không còn học nữa, vết cắt trong cuốn sổ là do bà U cắt, bà U chỉ cắt bỏ những nội dung nháp của con bà U. Tại các nội dung tại Bút lục 28-31 trong cuốn sổ ghi chú do bà U cung cấp, bà U đề nghị Tòa án chỉ xem xét đến các nội dung bà U gửi trả tiền cho ông Q, các nội dung khác không liên quan. Theo sổ của bà U thì hiện nay số tiền bà U còn nợ là 169.075.000 đồng, bà U chỉ đồng ý trả số tiền 169.075.000 đồng cho ông Q.

* Bị đơn ông Đỗ Văn V trình bày: Ông V và bà U là vợ chồng. Trong quá trình chung sống có chăn nuôi heo tại nhà và có mua thức ăn chăn nuôi heo từ

cơ sở của ông Q. Chữ ký trong cuốn sổ ông Q đưa ra đúng là chữ ký của ông V, trong đó có những chữ ký “Vui” là chữ ký của ông V ký khi nhận thức ăn. Theo sổ của ông V thì hiện nay số tiền ông V còn nợ là 169.075.000 đồng, ông V chỉ đồng ý trả số tiền 169.075.000 đồng cho ông Q.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Bà L là người quản lý sổ sách dùm ông Q, bà L thống nhất với yêu cầu của ông Q.

Bản án dân sự sơ thẩm 201/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 184, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 429, 430, 440, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh Q.

Buộc ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng U có trách nhiệm trả cho ông Trần A Quân số tiền nợ thức ăn là 665.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng U phải chịu 30.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho ông Trần Anh Q 18.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0026295 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 11/07/2024 bị đơn Đỗ Văn V và Nguyễn Thị Hồng U có đơn kháng cáo đề nghị xét xử lại vụ kiện, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:***

- Bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày ý kiến:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn với các lý do:

Thứ nhất: Ngày hòa giải ở Ủy ban xã là ngày 23/6/2023 mời ông V nhưng bà U đi dự không được sự ủy quyền của ông V nên việc bà U ký tên biên bản hòa giải là không đúng.

Thứ hai: Việc mua bán giữa hai bên có sổ sách theo dõi nhưng phiên hòa giải ngày 23/6/2023 không có đối chiếu công nợ là không đúng với nguyên tắc trong hợp đồng mua bán là phải có đối chiếu nợ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nội dung biên bản hòa giải ngày 23/6/2023 bà U thừa nhận có nợ 740.000.000 đồng, chỉ không đồng ý phương thức trả nợ, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên xử giữ nguyên bản án số 201/2024/DS-ST ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự:

Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và nơi cư trú của bị đơn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng mua bán tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố Tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật dân sự.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim L không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ khoản 2 khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà L.

[1.2]. Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về nội dung xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1]. Về số tiền nợ:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản chính sổ theo dõi mua bán giữa ông Q và vợ chồng ông V, bà U có chữ ký của ông V, bà U kèm theo bản sao Biên bản hòa giải ngày 23/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khai tại buổi hòa giải ngày 23/6/2023 bà U thừa nhận có nợ ông Q 711.000.000 đồng tiền mua thức ăn và 75.000.000 đồng tiền lãi chậm trả, làm tròn là 780.000.000 đồng. Sau đó bà U và ông V trả 40.000.000 đồng nên còn nợ lại 740.000.000 đồng. Số tiền 75.000.000 đồng tiền lãi chậm trả, nguyên đơn đồng ý không yêu cầu buộc ông V và bà U trả, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 665.000.000 đồng. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định pháp luật, không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Phía ông V và bà U thừa nhận các chữ ký trong sổ theo dõi mua bán do nguyên đơn cung cấp từ bút lục 33 đến bút lục 83 và từ bút lục 86 đến bút lục 112 là chữ ký của ông V và bà U nhưng không đồng ý sử dụng sổ mua bán do nguyên đơn cung cấp để tính ra số tiền nợ mà đề nghị căn cứ theo sổ theo dõi mua bán do bị đơn cung cấp để tính, phía bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 189.075.000 đồng do bà L ghi (bút lục 21), sau đó bà U trả 2 lần x 10.000.000đ/lần nên còn lại 169.075.000 đồng nhưng bà U lại không xác định thời gian cụ thể khi kết sổ tiền này; phía nguyên đơn thì trình bày số tiền nợ 169.075.000 đồng chỉ là một phần nợ trong quá trình mua bán từ năm 2015 đến 2019, việc mua bán giữa hai bên đã chấm dứt vào đầu năm 2020. Bà U còn trình bày: bà U có mặt tại buổi hòa giải ngày 23/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã X nhưng lúc đó bà U chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ nhưng còn nợ bao nhiêu thì đề nghị về nhà xem sổ sách lại.

Căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Căn cứ theo sổ mua bán do nguyên đơn cung cấp và bản tự khai của ông Q ngày 19/12/2023, việc mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn diễn ra từ 11/5/2015 đến ngày 01/01/2020 số tiền mua thức ăn chăn nuôi ông V, bà U còn nợ ông Q là 711.000.000 đồng + 75.000.000 đồng tiền lãi chậm trả, làm tròn là 780.000.000 đồng, đã trả được 40.000.000 đồng nên còn nợ lại 740.000.000 đồng.

Theo biên bản hòa giải ngày 23/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã X, bà U thừa nhận có nợ ông Quân số tiền 780.000.000 đồng và yêu cầu được trả 01 năm 10.000.000 đồng, không đồng ý trả 350.000.000 đồng mỗi năm. T 04 biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã X tại mục bị đơn, bà U ghi “*Em không đồng ý trả 350 triệu mỗi năm, chỉ gởi 1 năm 10 triệu*”, theo nội dung bà U ghi thì bà U không đồng ý phương thức trả nợ mỗi năm trả 350.000.000 đồng theo đề nghị của bà L (vợ ông Q), yêu cầu được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng, đối với số tiền nợ 780.000.000 đồng bà U không có ý kiến phản đối.

Theo Biên bản xác minh ngày 01/12/2023: Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 23/6/2023 tại trụ sở Ủy ban tiến hành hòa giải tranh chấp việc mua bán thức ăn giữa ông Q, bà U và ông V. Tại buổi hòa giải có mặt bà L là vợ ông Q và bà U. Tại buổi hòa giải bà U thừa nhận có nợ ông Quân số tiền 780.000.000

đồng tiền mua thức ăn và bà U xin trả dần một năm trả 10.000.000 đồng, nếu làm ăn có tiền thì sẽ trả thêm. Phía bà L (vợ ông Q) chỉ đồng ý cho trả 01 năm 350.000.000 đồng, trường hợp không đồng ý trả 01 năm 350.000.000 đồng thì xin lấy một lần số tiền (780.000.000 đồng – 40.000.000 đồng đã trả) = 740.000.000 đồng trong thời gian tháng 08/2023. Sau khi lập xong biên bản có đọc lại cho bà L và bà U nghe lại nội dung biên bản. Các bên thống nhất nội dung mới ký tên vào biên bản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là (780.000.000 đồng – 40.000.000 đồng đã trả - 75.000.000 đồng tiền lãi chậm trả) = 665.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 665.000.000 đồng còn nợ là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3]. Về thời gian trả: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền 169.750.000 đồng; phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả tiền nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[3]. Về án phí :

Ông Trần Anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông V và bà U phải chịu 30.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng biên bản hòa giải tại Ủy ban xã ngày 23/6/2023 bà U tham gia không có sự ủy quyền của ông V và việc hòa giải không có đối chiếu công nợ là thiếu sót, từ đó đề nghị hủy án sơ thẩm. Nhận thấy, vợ chồng ông V và bà U sinh sống chủ yếu bằng nghề chăn nuôi; việc giao dịch mua bán thức ăn gia súc với ông Q là do hai vợ chồng cùng thực hiện, bà U là người theo dõi sổ sách, có khi là người nhận thức ăn và trả tiền, ông V và bà U không phân biệt ai thực hiện công việc cụ thể nào. Do đó, việc bà U tham gia hòa giải ở ủy ban xã không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng bà, đồng thời bà U đã thừa nhận nợ ở biên bản hòa giải nên không cần thiết phải đối chiếu sổ sách; Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 184, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 429, Điều 430, Điều 440, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đỗ Văn V và Nguyễn Thị Hồng U

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 201/2024/DSST ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh Q.

Buộc ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng U có trách nhiệm trả cho ông Trần A Quân số tiền nợ thức ăn là 665.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng U phải chịu 30.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho ông Trần Anh Q 18.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0026295 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ Văn V, bà Nguyễn Thị Hồng U mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007781 ngày 11 tháng 7 năm 2024 và biên lai số 0007780 ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; ông V, bà U đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt